

Bản án số: 149/2022/HS-ST
Ngày: 15-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hiền

2. Ông Dương Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Công- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 157/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Hoàng Mai 2, xã Hoàng Ninh (nay là tổ dân phố Hoàng Mai 2, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn Thuần (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Lai (Đã chết); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Trần Văn B; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đồn Lương, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Giáp Huy T, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Tuyết C, sinh năm 1975- Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thượng, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

- Anh Giáp Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tự, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trần Văn B, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Hữu T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đông Long, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Vũ Thị U, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/6/2018, bị cáo Nguyễn Thị Y và chồng là Trần Văn B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hai lô đất số 9, số 10 địa chỉ ở thôn Đồng Niên, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang từ ông Trần Hữu T (do ông T nhận chuyển nhượng trước đó của bà Vũ Thị U). Cùng ngày 18/6/2018, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên đã xác nhận việc biến động quyền sử dụng đất của hai lô đất số 9, số 10 từ ông T sang vợ chồng Y trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 03/7/2018, vợ chồng Y thế chấp quyền sử dụng đất của hai lô đất trên cho ngân hàng Vpbank chi nhánh Bắc Giang để vay tiền đầu tư kinh doanh, đồng thời giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng hai lô đất trên cho ngân hàng giữ.

Đầu tháng 9 năm 2018, Y nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 10 nêu trên để mang đi công chứng khi nào cần tiền thì thế chấp hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho người khác. Y dùng tài khoản Zalo của mình đăng nhập vào mạng xã hội liên hệ với một tài khoản zalo của người đàn ông không quen biết đặt người này làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 10 nêu trên với giá 4.000.000 đồng. Sau đó, Y gửi hình gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật lô đất số 10 (do Y chụp lại trước khi thế chấp vay tiền ngân hàng) có thông tin tên người sử dụng đất: Vũ Thị U, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú tại thôn Đông, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, số giấy chứng nhận CD 152408, cấp ngày 27/4/2016, địa chỉ thửa đất ở thôn Đồng Niên, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, có đóng dấu Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên và chữ ký phó chủ tịch “Nguyễn Văn P”; mục thay đổi người sử dụng đất có thông tin chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T ngày 12/5/2017 và ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Y ngày 18/6/2018 được đóng dấu đỏ xác nhận của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên có chữ ký giám đốc “Giáp Huy T”, phó giám đốc “Nguyễn Tuyết C” cho người nhận làm giấy tờ giả. Khoảng 01 ngày sau, người nhận làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi lại hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của lô đất số 10 cho Y kiểm tra, yêu cầu Y chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho người này. Y kiểm tra các thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

giả của lô đất số 10 thấy trùng khớp với thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên nhờ bạn là chị Trần Thị Nhung, sinh năm 1990, trú quán ở xóm 3 Mới, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đang làm công nhân cùng Y tại Công ty Samsung ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh chuyển 4.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng của người nhận làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nói cho biết lý do chuyển tiền. Khoảng 5 ngày sau khi chuyển tiền, một người đàn ông không quen biết đi xe mô tô đến sân bóng ở đầu thôn Hoàng Mai 2, xã Hoàng Ninh (nay là tổ dân phố Hoàng Mai 2, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đổi với lô đất số 10 cho Y rồi Y mang về nhà cất giấu, không nói cho ai biết đồng thời xóa mọi thông tin liên quan đến việc làm giấy tờ giả trong điện thoại và tài khoản Zalo của mình.

Khoảng 14 giờ ngày 24/9/2018, Y đem theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của lô đất số 10 bảo chồng là anh B chở đến Văn phòng công chứng “Hòa T” ở tổ dân phố số 2, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để công chứng nhưng không nói cho anh B biết là Giấy chứng nhận đất giả. Tại phòng công chứng, Y đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của lô đất số 10 cho anh B để anh B đưa cho công chứng viên là anh Giáp Văn C, sinh năm 1979, ở thôn 6, xã Việt T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang T hành công chứng. Anh C kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất số 10 (ký hiệu giám định A) của vợ chồng Y đem công chứng thì phát hiện là giấy giả nên trình báo đồng thời giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên.

Ngày 24/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên Trung tâm Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang giám định xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất số 10 (ký hiệu giám định A) nêu trên là giả hay thật.

Tại Bản kết luận giám định số 1772 ngày 28/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Phôi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lô đất số 10 (ký hiệu giám định A) đứng tên Vũ Thị U, số CD 152408 là giả, được làm bằng P pháp in phun màu. Hình dấu mang tên Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên là giả. Chữ ký mang tên ông Nguyễn Văn P, Giáp Huy T, Nguyễn Tuyết C so với mẫu chữ ký thu giữ của ông Nguyễn Văn P, ông Giáp Huy T, bà Nguyễn Tuyết C không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 20/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên T hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Y tại thôn Hoàng Mai 2, xã Hoàng Ninh (nay là tổ dân phố Hoàng Mai 2, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Kết quả khám xét thu giữ: 01 điện thoại di động Samsung J7; 01 máy tính laptop nhãn hiệu Dell 6530 màu đen.

Ngày 21/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên T hành kiểm tra điện thoại di động, máy tính thu giữ của Y khi khám xét khẩn cấp nhưng không thu giữ được tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Y.

Quá trình điều tra ban đầu Y khai nhận, khi đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Y còn đặt làm giả 01 giấy chứng nhận ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đối với vợ chồng Y để sau này làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Sau khi đặt làm giả giấy chứng nhận ly hôn, do không có tiền trả cho người nhận làm giả nên Y không thuê làm giả giấy chứng nhận ly hôn nữa, nhưng sau đó Y thay đổi lời khai không thừa nhận việc đặt người khác làm giả giấy chứng nhận ly hôn. Ngoài lời khai của Y, không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ kết luận Y đặt làm giả giấy chứng nhận ly hôn giữa vợ chồng Y.

Tại Bản cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 19/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của B luật hình sự.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Y và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 341, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của B luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Y cho UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Y từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Y thành khẩn khai nhận về toàn B hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát. Lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của B luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 305 của B luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Y tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu tháng 9 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị Y có hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất số 10 của Y có địa chỉ ở thôn Đồng Niên, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nhưng đã thế chấp cho ngân hàng để vay tiền trước đó. Khoảng 14 giờ ngày 24/9/2018, Y mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lô đất số 10 nêu trên đến phòng công chứng “Hòa T” ở tổ dân phố số 2, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang công chứng thì bị công chứng viên phát hiện là giả nên báo Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên thu giữ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do có động cơ tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo Y đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của B luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước và quản lý con dấu, tài liệu. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa C đối với loại tội phạm này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Y đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ ông Nguyễn Văn Thuần là thương binh. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 B luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Y có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Y không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của B luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Y có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này không còn lần phạm tội nào khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị

cáo đang nuôi 03 con nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của B luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 341 của B luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, xét thấy bị cáo Y phạm tội với mục đích tư lợi và không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 máy tính laptop nhãn hiệu Dell 6530 màu đen là tài sản thu giữ khi khám xét khẩn cấp, xác định là tài sản của bị cáo Y, không dùng vào việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo xin lại nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 là tài sản thu giữ khi khám xét khẩn cấp, xác định là tài sản của Y, điện thoại di động dùng đăng nhập vào mạng xã hội để làm giấy tờ giả. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Các vấn đề khác:

- Anh Trần Văn B là chồng bị cáo Y không biết Y làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất số 10 nêu trên rồi mang đi công chứng và chị Trần Thị Nhung khi chuyển tiền trả người khác hộ bị cáo Y không biết là trả tiền làm giấy tờ giả nên không vi phạm pháp luật.

- Đối với người làm giả và người giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho bị cáo Y, do bị cáo Y không biết là ai, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tách ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của B luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của B luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của B luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Y cho UBND thị trấn Nễnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của B luật hình sự.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Y 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[2] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của B luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của B luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7.

- Trả lại cho bị cáo Y: 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu Dell 6530 màu đen. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của B luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của B luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

